

VARIOUS SHORT TALES — PART V

NHỮNG CÂU CHUYỆN NGẮN — PHẦN V

Story 45 · English / Vietnamese · Printed pages 533–540

1. The young woman and the yogi's family / Cô gái và gia đình của hành giả

On another occasion, for the benefit of sentient beings, Jetsun Milarepa went out for alms. In a village on a plain, people were playing games, throwing stones, shooting arrows, and weaving wool. A young girl asked whether he had parents, siblings, a house, or land. Milarepa answered that he possessed all of these, better than most. She asked him to describe his family.

Một dịp khác, vì lợi ích chúng sinh, Tôn giả Milarepa đi khất thực. Tại một ngôi làng giữa đồng bằng, mọi người chơi trò chơi, ném đá, bắn tên và dệt len. Một cô gái hỏi Ngài có cha mẹ, anh chị em, nhà cửa hay ruộng đất không. Milarepa đáp rằng Ngài có tất cả, còn tốt hơn phần lớn mọi người. Cô xin Ngài kể về gia đình mình.

My home is the Perfection Paradise,
My farm good will for all,
My house the great Compassion,
And my father's lineage the Tathāgata.
My uncles are missionaries
Who spread the Dharma everywhere.

Nhà ta là Cõi Tịnh Độ Viên Mãn,
Ruộng ta là thiện chí dành cho muôn loài,
Mái nhà ta là lòng Đại Bi,
Và dòng họ bên cha là Như Lai.
Các chú bác ta là những người truyền giáo pháp,
Hoằng truyền Chánh Pháp khắp mọi nơi.

My forefathers are Tilopa and Naropa,
My father is the King of Skills,
My mother, the Fair Lady of Wisdom;
My elder brother is pure discipline,
My younger brother, stern diligence,
My sister is firm faith, and I myself
Am the offspring of spontaneity.

Tổ tiên ta là Tilopa và Naropa,
Cha ta là Vua của các phương tiện thiện xảo,
Mẹ ta là Nữ nhân Trí Tuệ cao quý;
Anh ta là giới hạnh thanh tịnh,

Em trai ta là tinh tấn kiên cường,
Chị em gái ta là đức tin vững chắc, còn chính ta
Là người con của sự tự nhiên tự phát.

My body's elements are Merits,
And I meditate on Reality.
My sole visitors are deities.
As for my planting, I plow
Nothing but the Dharmakaya.

Các yếu tố cấu thành thân ta là công đức,
Và ta thiền quán Thực Tại.
Khách viếng thăm ta chỉ có các vị thần linh.
Còn việc canh tác của ta, ta chỉ cày xới
Pháp Thân mà thôi.

The people gathered around. The girl invited Milarepa to stay as her spiritual teacher and promised to provide offerings. Young men asked whether their games and pleasures resembled those of heavenly beings. Milarepa replied that they did not and sang to show the difference.

Mọi người tụ tập quanh Ngài. Cô gái mời Milarepa ở lại làm vị thầy tâm linh và hứa dâng các vật phẩm cần thiết. Những thanh niên hỏi liệu trò chơi và thú vui của họ có giống niềm vui của chư thiên không. Milarepa đáp rằng không, rồi cất tiếng hát để chỉ ra sự khác biệt.

In the houses of you evil persons, gods
And holy symbols are like the roots of sins.
The oil lamps that flame in your stingy hearts
Are like bonfires before greedy tax-men.
The owners of much livestock
Are like meat-eaters' teeth.
The parents of many children
Are like pieces of boiled meat
In the grasp of a hungry man.

Trong nhà những người hành xử bất thiện, các vị thần
Và những biểu tượng thiêng liêng lại như gốc rễ của tội lỗi.
Những ngọn đèn dầu cháy giữa lòng keo kiệt
Như đồng lửa trước mặt bọn thu thuế tham lam.
Những người sở hữu nhiều gia súc
Giống như hàm răng của kẻ ăn thịt.
Cha mẹ có đông con cái
Như những miếng thịt luộc
Nằm trong tay người đang đói.

The worn-out elders, the forsaken
Housecleaners, resemble lonesome flies
Scenting scum amidst the ruins.
The owner of a great fortune
Is like the demon guard, Gordag.

Những người già kiệt sức, những người
Quét dọn nhà cửa bị bỏ quên, giống ruồi cô độc
Đánh hơi chất bẩn giữa đồng đồ nát.
Người sở hữu gia tài lớn
Giống quỷ canh giữ tài sản, Gordag.

The games of throwing stones and shooting arrows
Are like fierce battles between gods and Asuras.
The games of chess resemble
Sordid intrigues between kings.
Those who play at shooting dice and throwing water
Are like demons grasping sacrificial food.

Trò ném đá và bắn tên
Giống những trận chiến dữ dội giữa chư thiên và A-tu-la.
Trò đánh cờ giống như
Những âm mưu đen tối giữa các vị vua.
Những người chơi xúc xắc và hất nước
Như loài quỷ giành giật đồ cúng tế.

The burdens and tangles of your business
Resemble cobwebs on the trees.
Your singing and your dancing
Are the foolish play of gnomes.
The spectators of your games
Are ignorant animals
Gazing attentively at mirages.

Gánh nặng và rối ren của việc làm ăn
Giống mạng nhện giăng trên cây.
Tiếng hát và điệu múa của các người
Là trò đùa ngây dại của loài tiểu quỷ.
Những người đứng xem trò chơi
Như các con vật vô minh
Chăm chú nhìn vào ảo ảnh.

The commentators on your games
Are writhing snakes without a head.
Those who crave for games and diversions
Are like hungry ghosts, the Fragrance-eaters,

Greedily sniffing at their hunted food!

Những kẻ bình luận các trò chơi
Như rấn không đầu đang quần quại.
Những người ham mê trò chơi và thú tiêu khiển
Giống loài ngựa quý ăn hương,
Tham lam đánh hơi món ăn chúng săn tìm!

The listeners prostrated in faith. The girl welcomed Milarepa into her house, later practiced his instructions, and was able to enter the Path at the time of death.

Người nghe đảnh lễ với lòng tin. Cô gái mời Milarepa vào nhà, về sau thực hành những lời chỉ dạy của Ngài và có thể bước vào Đạo khi lâm chung.

2. The work of an apparently idle yogi / Công việc của hành giả tưởng như nhàn rỗi

Another day, Milarepa came upon people building a house and lay down nearby. The hostess offered him food if he helped patch the walls. Seeing him still lying there, she called him useless. When he later asked for food, she said that a lazy body should not eat with a lazy mouth. Milarepa answered that he had been occupied with work more important than patching walls, and sang:

Một ngày khác, Milarepa gặp những người đang xây nhà và nằm xuống gần đó. Bà chủ nhà hứa cho thức ăn nếu Ngài giúp trát tường. Thấy Ngài vẫn nằm yên, bà chê Ngài vô dụng. Khi Ngài đến xin thức ăn, bà nói người có thân lười biếng không nên dùng miệng lười biếng để ăn. Milarepa đáp rằng Ngài đang bận công việc quan trọng hơn trát tường, rồi hát:

I bow down to all Gurus. Above all,
I take refuge in the Gracious One!
You see me as though I were doing nothing,
But I see myself doing something all the time.

Ta đảnh lễ tất cả các Đạo Sư. Trên hết,
Ta quy y bậc Ân Sư!
Các người thấy ta dường như chẳng làm gì,
Nhưng ta thấy mình luôn luôn đang làm việc.

On the plain of the uncreated Beyond-Extremes,
I was building busily the Dhyana Wall;
I had no time to patch clay walls.
On the Northern Plain of Voidness,
I was taming the wild goats of my desires;
I had no time to plough my father's land.

Trên đồng bằng vô tạo tác, vượt ngoài các cực đoan,
Ta bận xây bức tường Thiền Định;
Ta không có thời gian trát những bức tường đất.
Trên đồng bằng phương Bắc của Tánh Không,
Ta đang thuần hóa bầy dê hoang của dục vọng;
Ta không có thời gian cày ruộng của cha.

In the realm of Not-two and the Word-beyond,
I was subduing the demon Ego;
I had no time to fight with bitter foes.
In the Palace of Beyond-measure—
The Non-dual Mind-Essence—
I was busily attending my affairs;
I had no time to do household work.

Trong cảnh giới Bất Nhị, vượt ngoài ngôn từ,
Ta đang hàng phục con quỷ bản ngã;
Ta không có thời gian giao chiến với kẻ thù.
Trong cung điện vượt ngoài đo lường—
Tĩnh Túy Tâm Bất Nhị—
Ta đang bận lo công việc của mình;
Ta không có thời gian làm việc nhà.

In the Buddha's Mandala of my own body
I was feeding my little child, "Awareness";
I had no time to feed others and wipe their noses.
In the courtyard of Great Bliss,
I was gathering the Dharma wealth;
I had no time to make money in this world.

Trong Mạn-đà-la Phật nơi chính thân mình,
Ta đang nuôi dưỡng đứa con nhỏ "Tĩnh Giác";
Ta không có thời gian cho người khác ăn và lau mũi họ.
Trong sân của Đại Lạc,
Ta đang tích lũy tài sản Chánh Pháp;
Ta không có thời gian kiếm tiền thế gian.

On the mountain of the immutable Dharmakaya,
I was herding the steeds of Self-awareness;
I had no time to tend other sheep and cattle.
With the clay of my flesh and bones,
I was building the Stupa of Immanence;
I had no time to make the Tsa Tsas.

Trên núi Pháp Thân bất biến,
Ta đang chăn những tuấn mã Tự Giác;

Ta không có thời gian chần cừ và gia súc khác.
Bằng đất sét của thịt và xương mình,
Ta đang dựng Bảo Tháp của sự hiện diện nội tại;
Ta không có thời gian nặn những tượng Tsa Tsa.

On the triangular Heart Center,
I was kindling the lamp of Illumination;
I had no time to offer butter lamps to deities.
In the chapel of the Bliss-Void,
I was offering Immortality
To the Buddha of Dhyana-Mind;
I had no time to make material offerings.

Tại trung tâm tam hình tam giác,
Ta đang thắp ngọn đèn Giác Chiếu;
Ta không có thời gian cúng đèn bơ cho các vị thần.
Trong điện thờ của Lạc-Không,
Ta đang dâng sự Bất Tử
Lên Đức Phật của Tâm Thiền Định;
Ta không có thời gian dâng cúng vật chất.

Upon paper of Immaculate Mind
I wrote the words of conquering desires;
I had no time to bother with worldly script.
In the Drinking-Skull of Sunyata
I was mixing the Three and Five Poisons;
I had no time for priestly rules.

Trên trang giấy của Tâm Vô Nhiễm,
Ta viết những lời chế ngự dục vọng;
Ta không có thời gian bận tâm văn tự thế gian.
Trong chén sọ của Tánh Không,
Ta đang hòa trộn Ba Độc và Năm Độc;
Ta không có thời gian cho những quy tắc nghi lễ.

Filled with love and pity,
I was guarding all in the Six Realms;
I had no time to attend my kinsmen.
Before my Father Gurus,
I was brooding over their instructions;
I had no time for worldly actions.

Tràn đầy tình thương và lòng bi mẫn,
Ta đang gìn giữ chúng sinh trong Sáu Cõi;
Ta không có thời gian chăm lo họ hàng.

Trước các Đạo Sư như cha của mình,
Ta đang suy ngẫm những lời chỉ dạy;
Ta không có thời gian cho việc thế tục.

In a quiet hermitage in the remote mountains,
I was practicing the Bodhi teachings;
I had no time to indulge in sleep.
With my triangular, shell-like mouth,
I was singing the song of Dharma;
I had no time for idle talk.

Trong am thất tĩnh lặng giữa núi xa,
Ta đang thực hành giáo pháp Bồ-đề;
Ta không có thời gian ham ngủ.
Với chiếc miệng hình tam giác tựa vỏ sò,
Ta đang hát bài ca Chánh Pháp;
Ta không có thời gian nói chuyện phù phiếm.

The workers were moved and recognized him as Milarepa. They bowed, circumambulated, praised, and offered hospitality; the hostess expressed repentance. A young man asked where his temple was and who supported him. Milarepa sang:

Những người thợ cảm phục và nhận ra Ngài là Milarepa. Họ đánh lễ, đi nhiễu, tán thán và tiếp đãi; bà chủ nhà cũng tỏ lòng hối lỗi. Một thanh niên hỏi ngôi chùa của Ngài ở đâu và ai nuôi dưỡng Ngài. Milarepa hát:

I bow down to all Father Gurus.
My temple is an unnamed hermitage,
My patrons are men and women everywhere,
No one can tell where I go or stay.
In the caves where no man comes
I, the Yogi, am lost to view.

Ta đánh lễ tất cả các Đạo Sư như cha.
Ngôi chùa của ta là am thất không tên,
Thí chủ của ta là nam nữ khắp nơi,
Không ai biết ta đi hay ở chốn nào.
Trong những hang động không người lui tới,
Ta, hành giả du-già, khuất khỏi tầm mắt.

[When I travel] I carry
Only my Guru's instructions—lighter
Than feathers, I shoulder them with ease;
More handy than gold, I conceal them where I please;
Stronger than a solid castle,

In all perils they stand firm.

[Khi du hành] ta chỉ mang theo
Những lời chỉ dạy của Đạo Sư—nhẹ
Hơn lông chim, ta dễ dàng mang trên vai;
Tiện dụng hơn vàng, ta cất giữ tùy ý;
Vững chắc hơn thành trì kiên cố,
Chúng đứng vững trước mọi hiểm nguy.

In the Three Winters I dwell happily in forests;
In the Three Summers I stay cheerfully on snow mountains;
In the Three Springs I live with pleasure in the marshes;
In the Three Autumns I wander joyfully for alms.

Trong ba tháng mùa đông, ta vui sống trong rừng;
Trong ba tháng mùa hạ, ta vui ở núi tuyết;
Trong ba tháng mùa xuân, ta thích ở vùng đầm lầy;
Trong ba tháng mùa thu, ta hân hoan đi khất thực.

In the teaching of my Guru, my mind is always happy;
Singing songs of inspiration, my mouth is always happy;
Wearing cotton from Nepal, my body's always happy.
In delight I accomplish all and every thing—
To me there is but cheer and joy.

Trong giáo huấn của Đạo Sư, tâm ta luôn an vui;
Hát những bài ca cảm hứng, miệng ta luôn an vui;
Mặc vải bông từ Nepal, thân ta luôn an vui.
Trong niềm hoan hỷ, ta hoàn thành mọi việc—
Đối với ta, chỉ có hân hoan và vui sướng.

Milarepa accepted the young man as his attendant; he later became a yogi with good realizations. All present vowed to undertake virtuous deeds.

Milarepa nhận chàng trai làm thị giả; về sau anh trở thành hành giả du-già có những chứng ngộ tốt đẹp. Mọi người có mặt đều phát nguyện làm những thiện hạnh cụ thể.

3. The Ocean of Samsara / Đại Dương Luân Hồi

On yet another alms round, Milarepa encountered men and women drinking beer together. Though followers of Sutra or Tantra, they mocked him. Their leader challenged him to sing Dharma teachings to prove that he was Milarepa. He sang “The Ocean of Samsara.”

Trong một lần khất thực khác, Milarepa gặp nhóm nam nữ đang uống bia cùng nhau. Dù là những người theo Kinh thừa hay Mật thừa, họ chế giễu Ngài. Người đứng đầu thách Ngài hát giáo pháp để chứng tỏ mình là Milarepa. Ngài cất bài “Đại Dương Luân Hồi”.

The peerless Guru always sits upon my head.
Alas, is not Samsara like the sea?
Drawing as much water as one pleases,
It remains the same without abating.
Are not the Three Precious Ones like Mount Sumeru,
That never can be shaken by anyone?

Bậc Đạo Sư vô song luôn ngự trên đỉnh đầu ta.
Than ôi, chẳng phải Luân Hồi giống biển cả sao?
Dù múc bao nhiêu nước tùy thích,
Biển vẫn nguyên vẹn, chẳng hề vơi.
Chẳng phải Tam Bảo giống núi Tu-di,
Không ai có thể lay chuyển sao?

Is not Samaya like a feather
That's been shed and for which no one cares?
Are not the pure priestly rules
Like a leper's corpse abandoned
By the roadside, which none will touch?
Chẳng phải giới nguyện Samaya như chiếc lông
Đã rụng, không ai còn đoái hoài sao?
Chẳng phải những giới luật thanh tịnh
Giống xác người mắc bệnh phong bị bỏ
Bên vệ đường, không ai muốn chạm vào sao?

Are not badgers' skins laid over seats
Full of thorns that prick the buttocks
Of eminent priests?
Is it not true that many people think
It meaningless to keep the priestly rules?
Is it not true that many monks ignore their disciplines?
Chẳng phải những tấm da lửng trải trên ghế
Che các gai nhọn đâm vào mông
Những vị tăng sĩ danh tiếng sao?
Chẳng phải nhiều người nghĩ rằng
Giữ giới luật là vô nghĩa sao?
Chẳng phải nhiều nhà sư xem nhẹ giới hạnh của mình sao?

Are there Mongol bandits invading yogis' cells?
Why, then, do great yogis stay in towns and villages?
Are not people craving for rebirth and Bardo?
Why, then, do they cling so much to their disciples?

Có bọn cướp Mông Cổ xâm chiếm am thất hành giả sao?
Vậy tại sao những hành giả lớn lại ở thị trấn và làng mạc?
Chẳng phải người ta mong cầu tái sinh và Trung Ấm sao?
Vậy tại sao họ lại bám chấp vào đệ tử đến thế?

Are woolen clothes in the next life more expensive?
Why, then, do women make so much of them here?
Do people fear that Samsara may be emptied?
Why, then, do priests and laymen hanker after children?

Có phải áo len ở đời sau đắt hơn sao?
Vậy sao phụ nữ lại quá bận tâm đến chúng ở đời này?
Người ta sợ Luân Hồi sẽ trống rỗng sao?
Vậy tại sao tăng sĩ và cư sĩ lại khao khát có con?

Are you reserving food and drink for your next life?
Why, then, do men and women not give to charity?
Is there any misery in Heaven above?
Why, then, do so few plan to go there?
Is there any joy below in Hell?
Why, then, do so many prepare to visit there?
Các người đang để dành đồ ăn thức uống cho đời sau sao?
Vậy tại sao nam nữ không chịu bố thí?
Trên cõi Trời có khổ đau gì sao?
Vậy tại sao quá ít người chuẩn bị đến đó?
Dưới Địa Ngục có niềm vui gì sao?
Vậy tại sao quá nhiều người chuẩn bị đi đến đó?

Do you not know that all sufferings
And lower realms are the result of sins?
Surely you know that if you now practice virtue,
When death comes you will have peace of mind and no regrets.

Các người không biết rằng mọi khổ đau
Và những cõi thấp đều do nghiệp bất thiện sao?
Hẳn các người biết rằng nếu nay thực hành thiện hạnh,
Khi cái chết đến, tâm sẽ an ổn và không hối tiếc.

The whole gathering recognized the real Jetsun Milarepa, developed faith, and offered him hospitality. He taught them the Dharma; some later entered the Path at death. The narrator adds that recounting every such episode would make many more stories.

Cả nhóm nhận ra Tôn giả Milarepa thật sự, khởi lòng tin và ân cần tiếp đãi Ngài. Ngài giảng Pháp; một số người về sau bước vào Đạo lúc lâm chung. Người kể chuyện nói rằng nếu thuật lại mọi trường hợp như thế thì sẽ thành nhiều câu chuyện nữa.

In this story [which actually contains a number of tales], Milarepa answered various questions asked by his close disciples as well as by his general patrons, in different places and at different times. Therefore, it cannot be ascribed to any one specific group.

Trong câu chuyện này [thực ra gồm nhiều chuyện nhỏ], Milarepa trả lời những câu hỏi khác nhau của các đệ tử thân cận cũng như những thí chủ nói chung, tại nhiều nơi và nhiều thời điểm. Vì thế, không thể quy câu chuyện này cho một nhóm người cụ thể nào.

Source notes / Chú thích nguồn (printed p. 540)

1. Three Learnings: See Story 42, Note 3.

1. Ba môn học: Xem Chuyện 42, chú thích 3.

2. Plain-mind: A Mahamudra term akin to the Zen “ordinary mind,” natural, spontaneous, straightforward and naked. The note cites Chao Chou: “The ordinary mind is Tao.”

2. Tâm bình thường: Thuật ngữ Đại Thủ Ấn gần với “tâm bình thường” trong Thiền tông: tự nhiên, tự phát, thẳng thắn và trần trụi. Chú thích dẫn lời Thiền sư Triệu Châu: “Tâm bình thường là Đạo.”

3. Water Wood Crystal Cave: Tibetan place-name transliteration.

3. Hang Thủy Mộc Pha Lê: địa danh được phiên âm từ tiếng Tây Tạng.

4. To Tse: Magic for producing hail and storms.

4. To Tse: Pháp thuật tạo mưa đá và bão tố.

5. Jolmo singing bird: A Tibetan legend; the translator could not identify its source.

5. Chim hót Jolmo: Một truyền thuyết Tây Tạng; dịch giả không tìm được nguồn.

6. Cutting-through instruction: Literally an instruction clarifying the basis or core of the matter.

6. Chỉ dạy “cắt xuyên”: Theo nghĩa sát, lời chỉ dạy làm sáng tỏ nền tảng hay cốt lõi vấn đề.

7. Four Actions: Walking, sitting, standing and lying.

7. Bốn oai nghi: Đi, ngồi, đứng và nằm.

8. Gordag: A property-owning guardian spirit associated with religious objects, texts and property.

8. Gordag: Thần linh canh giữ tài sản, liên hệ các pháp khí, kinh sách và tài sản tôn giáo.

9. Northern Plain: The vast grasslands of northern Tibet.

9. Đồng bằng phương Bắc: Thảo nguyên rộng lớn miền bắc Tây Tạng.

10. Tsa Tsa: Small clay stupa-shaped votive objects made in molds.

10. Tsa Tsa: Các tháp nhỏ bằng đất sét đúc khuôn dùng làm vật cúng.

11. Butter is used as lamp fuel in Tibet.

11. Ở Tây Tạng, bơ được dùng làm nhiên liệu thắp đèn.

12. Three Poisons: Desire, hatred, ignorance. Five Poisons: Those three plus pride and jealousy.

12. Ba Độc: Tham, sân, si. Năm Độc: Ba độc ấy cùng kiêu mạn và ganh tị.

SOURCE: Garma C. C. Chang (English translation), *The Hundred Thousand Songs of Milarepa*, Story 45, "Various Short Tales," printed pp. 533–540. Vietnamese translation prepared for personal study. English text presented in selected original passages; narrative transitions are condensed.